

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1172/TTr-STP-VB ngày 05

tháng 3 năm 2019 và đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm:

a) Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các chính sách trong đề nghị và các cơ quan, tổ chức có liên quan; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến.

Trường hợp đề nghị xây dựng nghị quyết có quy định thủ tục hành chính, cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm lấy ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính). Trường hợp đề nghị xây dựng nghị quyết có nội dung chính sách về giới, cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hồ sơ gửi lấy ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ).

b) Đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của thành phố trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Ngoài đăng tải để lấy ý kiến theo quy định tại Điều này, việc lấy ý kiến có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

c) Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết liên quan đến

quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) để lấy ý kiến”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết

1. Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết (theo mẫu số 02, Phụ lục V, ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

2. Nội dung đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.

3. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.

5. Đề cương dự thảo nghị quyết.

6. Văn bản cho ý kiến về thủ tục hành chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) (nếu có). Văn bản cho ý kiến đối với chính sách về giới của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có).

7. Tài liệu khác (nếu có)”.

3. Bổ sung Khoản 3 vào Điều 16 như sau:

“3. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết có quy định thủ tục hành chính, Sở Tư pháp chưa thực hiện thẩm định, chuyển trả hồ sơ đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện bổ sung việc lấy ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) theo Điều 13 Quy định này”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Tổ chức xây dựng dự thảo nghị quyết, bảo đảm sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật đã giao quy định chi tiết đối với nghị quyết quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy định này; bảo đảm sự thống nhất của dự thảo nghị quyết với các chính sách đã được thông qua theo quy định.

Đối với dự thảo nghị quyết có quy định thủ tục hành chính, thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ)”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết

1. Dự thảo nghị quyết phải được đăng tải toàn văn trên cổng thông tin điện tử của Thành phố trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo.

Gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; hồ sơ dự thảo liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) để lấy ý kiến.

3. Trường hợp dự thảo nghị quyết có quy định thủ tục hành chính, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính). Trường hợp dự thảo nghị quyết có quy định chính sách về giới, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hồ sơ gửi lấy ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính được thực hiện theo

quy định tại Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ).

4. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản”.

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố trình phải được Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân.

Đối với dự thảo nghị quyết có quy định thủ tục hành chính chưa có ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính), Sở Tư pháp chưa thực hiện thẩm định, chuyển trả hồ sơ đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện bổ sung việc lấy ý kiến về thủ tục hành chính theo Điều 13 Quy định này”.

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 21 như sau:

“4. Hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình Ủy ban nhân dân về dự thảo nghị quyết (*theo mẫu số 03, Phụ lục V, ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*);

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

d) Văn bản cho ý kiến về thủ tục hành chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) (nếu có). Văn bản cho ý kiến đối với chính sách về giới của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có);

đ) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này được gửi bằng văn bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng văn bản điện tử”.

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Ủy ban nhân dân thành phố bao gồm:

a) Tờ trình dự thảo nghị quyết (*theo mẫu số 03, Phụ lục V, ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*);

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; trường hợp dự thảo nghị quyết có quy định thủ tục hành chính, việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với quy định về thủ tục hành chính phải được thể hiện thành một phần riêng trong văn bản tiếp thu, giải trình;

đ) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

“Điều 50. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

1. Hướng dẫn việc đăng tải hồ sơ dự thảo trên cổng thông tin điện tử của thành phố khi nhận được đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo.

2. Cho ý kiến về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra về trình tự soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đúng quy định; đảm bảo văn bản ban hành đúng hình thức và nội dung mà các thành viên Ủy ban nhân dân đã thông qua.

4. Trường hợp hồ sơ dự thảo chưa có văn bản báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chuyển trả hồ sơ yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định theo quy định”.

10. Bổ sung Khoản 4 vào Điều 51 như sau:

“4. Các Sở, ban, ngành thực hiện đúng quy định về đánh giá tác động thủ tục hành chính, lấy ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính”.

Điều 2. Điều chỉnh số thứ tự tại Điều 47 như sau:

a) Khoản 4 Điều 47 “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thay mặt Ủy ban nhân dân ký ban hành quyết định. Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn vắng mặt hoặc căn cứ vào các lĩnh vực được phân công, các*

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có thể ký thay Chủ tịch” chuyển thành Khoản 5.

b) Khoản 5 Điều 47 chuyển thành Khoản 6.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở-ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong